

KỶ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019
SỞ GD&ĐT TP. HỒ CHÍ MINH

BẢNG GHI ĐIỂM THI

THPT Nguyễn Văn Tăng

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi										
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	Kết quả TN
1	12A1	079201000361	NGUYỄN THÀNH AN	Nam	14/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.40	7	5.25	6.50	5.75				5.60	N1	Đậu
2	12A1	079301002334	BÙI THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	07/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	6.25	3	4.75	4				4.80	N1	Đậu
3	12A1	079301029575	NGUYỄN THỊ LÂM DUYỄN	Nữ	24/11/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	5.80	5.50	3.75	4.75	4.75				3.80	N1	Đậu
4	12A1	079201010595	DƯƠNG HẢI ĐẠN	Nam	29/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	6	3.25	4.75	4.50				3.40	N1	Đậu
5	12A1	034201005540	PHẠM VIỆT ĐỨC	Nam	13/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5	3.50	5	4				5	N1	Đậu
6	12A1	079201019830	ĐỖ VĂN HIẾU	Nam	27/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	5.25	4	4	5.50				3.80	N1	Đậu
7	12A1	030201001159	PHẠM MINH HIẾU	Nam	04/07/2001	HẢI DƯƠNG	Kinh	6.20	4.75	3.25	4	4.50				4	N1	Đậu
8	12A1	026062659	MAI QUỐC HUY	Nam	20/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	6.50	2.50	4.25	5.50				5.60	N1	Đậu
9	12A1	079201016238	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	30/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	6.75	4.25	5.25	3.75				3.20	N1	Đậu
10	12A1	215548124	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÀ	Nữ	16/08/2001	BÌNH ĐỊNH	Kinh	6.40	6	3.75	5.75	4.50				5	N1	Đậu
11	12A1	079301019197	NGUYỄN TRẦN THANH TRÚC	Nữ	02/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.40	7.50	5.75	5.75	5.50				4.60	N1	Đậu
12	12A1	079201017868	NGÔ LÊ XUÂN TRƯỜNG	Nam	07/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	5.75	5	6.25	5.25				3.60	N1	Đậu
13	12A1	079201025233	NGÔ ĐÌNH TỬ	Nam	16/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.40	6.50	4.75	5.25	5				3.40	N1	Đậu
14	12A1	079201010230	NGÔ BÁ TÙNG	Nam	27/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.80	6	2	3.75	3.50				3.60	N1	Đậu
15	12A1	037200000247	TRINH QUỐC VIỆT	Nam	15/11/2000	NINH BÌNH	Kinh	5	4.50	4	4	4				4.20	N1	Đậu
16	12A1	079201016547	ĐẶNG NGỌC VINH	Nam	11/10/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	6.20	5.50	3.25	4	4.25				3.60	N1	Đậu
17	12A1	079201018180	LƯƠNG TRẦN THẾ VINH	Nam	18/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	6.75	3.50	4.25	3.25				3.60	N1	Đậu
18	12A1	079201023882	TRẦN ĐĂNG ANH KHOA	Nam	27/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	6	3	5	4				4.80	N1	Đậu
19	12A1	321607559	VÕ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	31/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5.50	3	4.25	4.50				4.80	N1	Đậu
20	12A1	381895616	ĐẶNG KIM LỰA	Nữ	01/01/2001	CÀ MAU	Kinh	7	6.50	4.25	5.75	5				4.20	N1	Đậu
21	12A1	026062111	PHẠM ĐỖ BÌNH MINH	Nam	16/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.60	4.50	3.25	4.75	4.25				3.20	N1	Đậu
22	12A1	079200007939	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	01/07/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	8	6	6.25	6.75	5.75				5.60	N1	Đậu
23	12A1	079201018501	TRỊNH THÁI NGUYỄN	Nam	09/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	6	4	5.75	4.50				3.20	N1	Đậu
24	12A1	079201008149	NGUYỄN TRUNG NHÃN	Nam	25/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	6.50	4.25	5	5.75				3.20	N1	Đậu
25	12A1	079301022842	PHẠM NGỌC NHI	Nữ	14/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	4	3.50	4.75	3				3.60	N1	Đậu
26	12A1	026062189	NGUYỄN NGỌC PHỄ	Nam	24/04/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	5.80	5.50	3	3.75	2.25				3.40	N1	Đậu
27	12A1	079201025899	HUỶNH VỸ PHONG	Nam	24/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	6.25	4	3.50	4.75				3.40	N1	Đậu
28	12A1	079301028894	LÊ NGỌC ĐIỂM QUỲNH	Nữ	21/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	6	3.50	4.25	5.25				3.40	N1	Đậu
29	12A1	079301001715	VŨ NGUYỄN HOÀI SANG	Nữ	01/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.40	6.25	3.25	4.50	5				4.80	N1	Đậu
30	12A1	030201004953	PHẠM THẾ SƠN	Nam	13/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	5.25	4	5.50	5.25				4.40	N1	Đậu

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi										
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	Kết quả TN
31	12A1	079201001286	LÊ PHÚ THÀNH	Nam	28/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	6	5	5.25	3.25				3.40	N1	Đậu
32	12A1	068301000090	NGÔ THỊ THU THẢO	Nữ	10/05/2001	LÂM ĐỒNG	Kinh	5.80	6.50	5.25	3.75	3.75				5.20	N1	Đậu
33	12A1	079301024031	TRẦN BÌNH PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	5.75	4	5.75	4.50				4.40	N1	Đậu
34	12A1	079301000865	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.40	7	5	5.75	3.25				5.80	N1	Đậu
35	12A1	079301001092	PHẠM ĐIỂM THẨM	Nữ	25/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	6	5.75	3.75	4.50				4.40	N1	Đậu
36	12A1	366283186	TRẦN VĂN THỊNH	Nam	13/02/2001	SỐC TRĂNG	Kinh	6.40	5.75	2.50	4	3.50				4	N1	Đậu
37	12A1	079201001282	BÙI ĐỨC THỌ	Nam	25/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	5.25	3.50	5.50	4.25				4	N1	Đậu
38	12A2	079301016749	CÔ MINH ÁI	Nữ	08/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Hoa	6.60	7	3	4.25	3.75				5.40	N1	Đậu
39	12A2	366323162	PHẠM VĂN ANH	Nữ	22/04/2001	SỐC TRĂNG	Kinh	6.20	5.50	5.25	5.50	4.75				4.40	N1	Đậu
40	12A2	245456213	TRẦN KHẢ TUẤN ANH	Nam	10/11/2001	THANH HÓA	Kinh	6.80	5.25	4	4.25	3				4	N1	Đậu
41	12A2	366287669	TRẦN THỊ HỒNG CẨM	Nữ	02/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.60	6	5.25	5.25	4				2.80	N1	Đậu
42	12A2	272992320	ĐẶNG HẢI DIỆN	Nam	03/03/2001	THÁI BÌNH	Kinh	5.60	5.25	2.25	4	4.75				3.40	N1	Đậu
43	12A2	079201023961	VŨ TIẾN GIANG	Nam	05/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	6.25	5.25	5.75	5.75				4.60	N1	Đậu
44	12A2	026062841	TRẦN VĂN GIÀU	Nam	10/03/1999	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	4.75	3	3	3.75				2.80	N1	Đậu
45	12A2	079301010350	NGUYỄN PHAN THIÊN HỒNG	Nữ	23/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	5	5.25	5	4				5.20	N1	Đậu
46	12A2	079301020393	HUỶNH PHAN MINH HƯƠNG	Nữ	30/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	4.50	4.50	3.25	4.50				3.60	N1	Đậu
47	12A2	231269513	NGŨ PHẠM THỊ THÚY TIẾN	Nữ	12/07/2001	GIA LAI	Kinh	6.20	5.25	3.75	4.50	4.25				4.80	N1	Đậu
48	12A2	079201017863	NGUYỄN THANH TOÀN	Nam	29/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	5.50	3.25	4.25	5.75				6	N1	Đậu
49	12A2	079201014073	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	11/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	6	3.25	2.50	4.75				4.40	N1	Đậu
50	12A2	079201022627	VƯƠNG QUỐC TUẤN	Nam	04/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	6.50	4	3.50	4.50				2.80	N1	Đậu
51	12A2	272977327	NGÔ VŨ ĐÌNH VINH	Nam	31/05/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	6.60	5.50	3.25	4	5.75				3.80	N1	Đậu
52	12A2	364090702	NGUYỄN VĨ KHANG	Nam	23/11/2000	ĐỒNG NAI	Kinh	5.40	5.50	3.50	4.50	3.50				3	N1	Đậu
53	12A2	281338263	NGUYỄN VĂN KIỀU	Nam	02/08/2000	THANH HÓA	Kinh	7.20	5.50	5.75	6.25	5.50				4.40	N1	Đậu
54	12A2	095201000102	NGUYỄN NGỌC LÂN	Nam	06/09/2001	BẠC LIÊU	Kinh	5.80	4.75	3.50	3	5.50				3.60	N1	Đậu
55	12A2	251159524	HOÀNG THỊ THÚY LINH	Nữ	02/03/2001	NINH BÌNH	Kinh	7.20	5.75	6	5.75	4.50				3.20	N1	Đậu
56	12A2	079201017864	NGUYỄN QUANG LINH	Nam	08/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.80	4.75	3.75	5	4.75				4.60	N1	Đậu
57	12A2	272916730	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	Nữ	18/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	5	5	5	4.25				3.80	N1	Đậu
58	12A2	026062219	PHAN NGỌC DUY LONG	Nam	20/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	4.75	2.75	3	3.50				5.60	N1	Đậu
59	12A2	051301000289	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	02/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	8	6	4.75	4.75	5				5.40	N1	Đậu
60	12A2	075201000066	NGUYỄN MINH MÁN	Nam	18/03/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	6.40	6.25	2.75	3.75	6				5.80	N1	Đậu
61	12A2	079201009967	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nam	01/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	7	4	4.50	5				4.60	N1	Đậu
62	12A2	079301004017	ĐẶNG THỊ TRÀ MY	Nữ	28/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	6.25	4.25	3.75	3.75				3.60	N1	Đậu
63	12A2	095200000053	NGUYỄN CẢ NA	Nam	10/03/2000	BẠC LIÊU	Kinh	7	5.50	7	6.25	6				2.80	N1	Đậu
64	12A2	079301015844	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	04/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	5.25	4.25	4	3.75				4.40	N1	Đậu
65	12A2	079201004169	NGUYỄN BẢO NGUYỄN	Nam	23/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	6.75	3.75	4	4.25				5	N1	Đậu
66	12A2	079301016481	NGUYỄN HỒNG THÚY NHI	Nữ	28/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	6.25	3	4	3				2.60	N1	Đậu
67	12A2	079201009725	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	Nam	27/03/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	7.60	5	5.25	6.25	6				7	N1	Đậu

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi										
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	Kết quả TN
68	12A2	079301024453	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	09/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	6	4	4	4.25				5.20	N1	Đậu
69	12A2	079201012304	HUỶNH HOÀNG QUẢN	Nam	13/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.60	5.50	5.75	3.75	4.75				5	N1	Đậu
70	12A2	079301012140	PHẠM THỊ KIM THANH	Nữ	08/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	5.50	3	5	4.25				4	N1	Đậu
71	12A2	079201030165	PHAN CHÍ THIÊN	Nam	13/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	6	5.50	3.50	5.50				4.80	N1	Đậu
72	12A2	079201026660	KIỀU HOÀNG THỊNH	Nam	13/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	5	3.75	3	2				4.20	N1	Đậu
73	12A2	079201013723	LƯƠNG TÀI THỊNH	Nam	21/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	6.50	4.75	4.25	4.50				5	N1	Đậu
74	12A2	079201014149	NGUYỄN HOÀNG THỊNH	Nam	13/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5.50	5.25	5.50	5.50				6.20	N1	Đậu
75	12A2	079201020453	ĐẶNG DUY THUẬN	Nam	27/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	5	4	4.50	5				6	N1	Đậu
76	12A3	079301016074	TRẦN THỊ DIỄM ANH	Nữ	27/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	6.25	7.25	6	3.25				4.40	N1	Đậu
77	12A3	026062899	NGUYỄN LONG BÌNH	Nam	06/06/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5.50	5	4.25	3.75				4.40	N1	Đậu
78	12A3	321756907	NGUYỄN QUỐC DŨNG	Nam	28/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	6.50	3.75	3.50	5				4.60	N1	Đậu
79	12A3	034301000047	NGUYỄN THỊ MỸ DUYẾN	Nữ	06/04/2001	THÁI BÌNH	Kinh	6.80	6.50	7.50	5.75	5				5.20	N1	Đậu
80	12A3	079201010576	LÊ NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	02/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	6.25	5.25	4.50	5.25				5	N1	Đậu
81	12A3	075200000164	LÊ QUỐC ĐẠT	Nam	10/08/2000	ĐỒNG NAI	Kinh	5.60	5.25	4.25	3.75	4.75				3.80	N1	Đậu
82	12A3	026062551	TRẦN THANH ĐỨC	Nam	19/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	6	5.75	4.50	4.25				4	N1	Đậu
83	12A3	026063673	NGUYỄN HOÀNG HẢI	Nam	17/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	5.50	2.75	4.50	4.25				7	N1	Đậu
84	12A3	079201002347	NGUYỄN ANH HẢO	Nam	27/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	5	5.75	5.75	3.25				4.40	N1	Đậu
85	12A3	079201002354	TRẦN ANH HẢO	Nam	08/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	5.25	5.25	4.25	4.50				5.20	N1	Đậu
86	12A3	079301027204	ĐOÀN THỊ THU HIỀN	Nữ	08/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.60	5	7	6.50	6				5.60	N1	Đậu
87	12A3	034201000005	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	10/02/2001	THÁI BÌNH	Kinh	6.40	5.25	3.75	4.25	4				5.80	N1	Đậu
88	12A3	079201030755	NGUYỄN DUY HÙNG	Nam	23/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	6	5.50	5	6				5.80	N1	Đậu
89	12A3	079201017869	TRẦN HUY TIẾN	Nam	07/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7	5.75	7.25	6	6				3.40	N1	Đậu
90	12A3	079301001378	BÙI THANH TUYỀN	Nữ	14/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	6	4.50	4.75	3.75				3	N1	Đậu
91	12A3	079301009763	ĐỖ THỊ THANH TUYỀN	Nữ	22/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	7	7.25	7	4.75				5	N1	Đậu
92	12A3	079201017870	NGUYỄN TẤN AN KHANG	Nam	25/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	5.75	5.50	5	3.50				2	N1	Đậu
93	12A3	079201027190	NGUYỄN THÀNH NGUYỄN KHANG	Nam	25/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	5.75	5	4.75	4.50				4	N1	Đậu
94	12A3	366273485	TRẦN DUY KHÁNG	Nam	31/05/2001	SÓC TRĂNG	Kinh	6.80	6	6	5	4.75				7.40	N1	Đậu
95	12A3	079201018071	TRẦN NGỌC ĐĂNG KHÔI	Nam	02/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	5	4.25	5	3.25				3.20	N1	Đậu
96	12A3	079201028136	NGUYỄN HOÀNG KHƯƠNG	Nam	06/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	6.25	4	5.25	5.25				6.60	N1	Đậu
97	12A3	079301015492	LÊ HUỶNH DẠ LAN	Nữ	09/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Chăm	5.40	5.75	6.25	4.25	5				3.60	N1	Đậu
98	12A3	051301000112	NGUYỄN NHẬT LINH	Nữ	04/10/2001	QUẢNG NGÃI	Kinh	5.80	6.75	3.50	4	3.75				3.80	N1	Đậu
99	12A3	034200011376	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	Nam	10/08/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	5.50	4.50	5.50	4.50				4.20	N1	Đậu
100	12A3	132464167	VŨ HOÀNG NGỌC	Nam	16/10/2001	BÌNH PHƯỚC	Kinh	4.20	5.50	5.75	3.50	3.25				4	N1	Đậu
101	12A3	027201000128	NGUYỄN MINH NHẬT	Nam	22/04/2001	BẮC NINH	Kinh	5.20	5.50	5.75	4	3.50				4	N1	Đậu

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi										Kết quả TN
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
102	12A3	079301015291	HUỲNH THỊ YẾN NHI	Nữ	13/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	8	6.75	6.25	6.75	6.50				5.40	N1	Đậu
103	12A3	038301005141	LÊ THỊ THẢO NHI	Nữ	09/09/2001	SA ĐÉC	Kinh	6.40	6	6.50	7	5.25				5.40	N1	Đậu
104	12A3	079301024783	LÊ CẨM NHUNG	Nữ	23/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	5.25	5	4	3.75				4.60	N1	Đậu
105	12A3	079301007111	BÙI THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	26/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	5.25	5.75	5.50	4				3.80	N1	Đậu
106	12A3	026062549	NGUYỄN AN PHÚ	Nam	06/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5.75	4.50	4.25	2.75				7.80	N1	Đậu
107	12A3	077301001569	LÊ NGỌC QUỲNH	Nữ	29/05/2001	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Kinh	6.80	6.50	6	5.75	4.25				6	N1	Đậu
108	12A3	079301022840	VÕ THỊ THU SANG	Nữ	12/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.60	5.75	6.25	5.25	3.75				7.20	N1	Đậu
109	12A3	079201024146	LÊ VĂN SƠN	Nam	12/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	8	5.75	5	4.75				3.40	N1	Đậu
110	12A3	079201018181	HOÀNG NGỌC TÂN	Nam	01/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.60	4.50	6.25	4.75	4.25				5.60	N1	Đậu
111	12A3	079301010952	HUỲNH NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	18/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	5	3.75	3	4				4.60	N1	Đậu
112	12A4	079301016912	NGUYỄN HOÀNG LAN ANH	Nữ	10/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	5	4.25	4.50	4.75				4.40	N1	Đậu
113	12A4	079301011912	VÕ THỊ TRÂM ANH	Nữ	23/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	5.75	5	4.50	4.50				4	N1	Đậu
114	12A4	079201030423	LẠI VĂN CƯỜNG	Nam	15/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5.25	4.25	4.50	5.25				4.40	N1	Đậu
115	12A4	366323058	NGUYỄN NGỌC ÁNH ĐĂNG	Nữ	28/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7	6.25	6	4.25	3				4.80	N1	Đậu
116	12A4	079201030006	NGUYỄN ANH HẢO	Nam	11/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.40	6	4.50	5.75	4.50				5.40	N1	Đậu
117	12A4	079301015998	PHAN KIỀU THIÊN TIỀN	Nữ	01/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	6	4.75	3.50	4.75				4.60	N1	Đậu
118	12A4	037301005732	TRẦN NGỌC THANH TRANG	Nữ	13/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5.50	4	2.75	2				5.20	N1	Đậu
119	12A4	079301012562	ỖN THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	11/01/2001	LONG AN	Kinh	6.40	5.50	3.50	3.75	5				5.60	N1	Đậu
120	12A4	079201025324	LÊ TRƯỜNG TRUNG	Nam	06/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	4.75	4.75	3.75	4.50				5	N1	Đậu
121	12A4	079201016546	NGUYỄN ANH TRUNG	Nam	09/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	6	5.75	5.50	6.25				5.60	N1	Đậu
122	12A4	079201030700	HỒ QUỐC TUẤN	Nam	27/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	6	3.50	3.75	2.50				2.60	N1	Đậu
123	12A4	206374332	NGUYỄN VĂN THÀNH TUẤN	Nam	16/12/2001	QUẢNG NAM	Kinh	4.80	5.25	3	4	3.25				4.40	N1	Đậu
124	12A4	026032645	VÕ THỊ NGỌC TUYẾN	Nữ	27/04/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	6.80	5.75	5.75	4.50	5.75				5	N1	Đậu
125	12A4	281345992	PHẠM ANH VŨ	Nam	21/09/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	6	6.50	4.50	4.75	5.75				4.60	N1	Đậu
126	12A4	026033580	NGUYỄN NGỌC THÚY VY	Nữ	04/10/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.60	6.75	3.50	4.50	3.75				2.60	N1	Đậu
127	12A4	079201030789	PHẠM LÊ KHANG	Nam	14/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5	2.50	2.25	2.50				6.60	N1	Đậu
128	12A4	212583206	NGUYỄN NGỌC KHÔI	Nam	26/06/2001	QUẢNG NGÃI	Kinh	6.20	4.75	5	3.75	4.50				5.40	N1	Đậu
129	12A4	079201012695	LÊ ANH KIỆT	Nam	13/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	5.75	5.25	3.75	4.25				5.20	N1	Đậu
130	12A4	079301022464	HUỲNH THỊ TRỌNG KIM	Nữ	16/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	6.50	3.75	3.25	3.25				3.40	N1	Đậu
131	12A4	079201010718	NGÔ ĐÌNH LÂM	Nam	21/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	5.50	3.75	5	4				4.20	N1	Đậu
132	12A4	038301005212	TRẦN THỊ LINH	Nữ	02/05/2001	THANH HÓA	Kinh	6.80	5.75	3.25	5	5				3	N1	Đậu
133	12A4	079301001042	BÙI THỊ THANH NGỌC	Nữ	09/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	6.50	5.50	4.25	3				3.80	N1	Đậu
134	12A4	075301000259	NGUYỄN NGỌC THẢO NGUYỄN	Nữ	30/09/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	6.60	6	5.25	5.75	5.50				5.20	N1	Đậu
135	12A4	079301025412	LÊ NGỌC NHI	Nữ	14/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	6	3	4.25	5				5.40	N1	Đậu

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi										
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	Kết quả TN
136	12A4	079301001151	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	10/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	6.50	5.25	3	3.25				4.60	N1	Đậu
137	12A4	031201010396	ĐỖ TIẾN QUYẾT	Nam	02/12/2001	HẢI PHÒNG	Kinh	4.80	5.75	4.50	3	4				4.40	N1	Đậu
138	12A4	079201000327	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	14/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	5.50	4.75	4.25	4				5	N1	Đậu
139	12A4	164679943	NGUYỄN VĂN TRUNG SƠN	Nam	26/09/2000	NINH BÌNH	Kinh	6.60	7	4.75	4.25	6.25				6	N1	Đậu
140	12A4	079200011561	NGUYỄN VĂN TÀI	Nam	11/11/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.80	4.75	3.75	2.75	4.75				3.40	N1	Hóng
141	12A4	056301000038	LÂM HỒNG TÂM	Nữ	25/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	6.25	4.50	4	4.75				4.20	N1	Đậu
142	12A4	079201027158	NGUYỄN NGỌC THÀNH	Nam	27/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	6.25	5	2.75	3.75				4.60	N1	Đậu
143	12A4	027201000163	LÊ VĂN THẮNG	Nam	23/03/2001	BẮC NINH	Kinh	6	5.25	5.50	4.25	5.50				4.40	N1	Đậu
144	12A4	079201030728	ĐẶNG QUỐC THÔNG	Nam	25/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	3.50	6.50	5.50	6				5.40	N1	Đậu
145	12A4	212463132	NGUYỄN KHẮC THUẬN	Nam	01/11/2000	QUẢNG NGÃI	Kinh	6.40	5.25	4.75	3.50	5.75				3	N1	Đậu
146	12A4	079201023697	NGUYỄN MINH THUẬN	Nam	17/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5	4	3.25	3.75				5	N1	Đậu
147	12A4	046301000111	TRẦN THỊ THANH THỦY	Nữ	18/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	4.50	3.75	3.75	4.25				4.40	N1	Đậu
148	12A4	079300004158	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	Nữ	12/08/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5.50	2.25	3.50	4.25				4	N1	Đậu
149	12A5	038301004756	MAI THỊ LAN ANH	Nữ	18/05/2001	THANH HÓA	Kinh	7.20	6				5.75	6.50	7.25	4	N1	Đậu
150	12A5	079201014894	NGUYỄN ĐÌNH ANH	Nam	25/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.60	5.25				3.50	5.50	5	3.80	N1	Đậu
151	12A5	331859998	VŨ THỊ TRÂM ANH	Nữ	18/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	5.50				5.25	6.75	8	2.80	N1	Đậu
152	12A5	079200003671	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Nam	16/11/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	3.75				5.75	5.75	6.25	5.60	N1	Đậu
153	12A5	079301004050	PHÙNG HỶ CHÂU	Nữ	20/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Hoa	6.40	4.25				3.25	6	5.75	4.40	N1	Đậu
154	12A5	079201011868	ĐỖ NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	Nam	11/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	5.25				3.50	6	7	4.60	N1	Đậu
155	12A5	001301025098	NGUYỄN TUỆ GIANG	Nữ	27/06/2001	HÀ TÂY	Kinh	6.20	6.25				5.25	6.25	7	3.80	N1	Đậu
156	12A5	079201001845	LÊ THANH HẢI	Nam	12/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	5.50				5	6.50	6.25	3.60	N1	Đậu
157	12A5	079201015593	NGUYỄN ANH HÀO	Nam	15/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	6.25				3	6.50	6.25	4	N1	Đậu
158	12A5	075301000175	TRẦN THỊ THU HIỀN	Nữ	28/10/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	6.20	5.75				5	6.50	7.75	4.40	N1	Đậu
159	12A5	031301004853	VŨ THỊ THÚY HIỀN	Nữ	02/07/2001	HẢI PHÒNG	Kinh	5.80	6.50				3.75	6.25	7	3.20	N1	Đậu
160	12A5	079200000499	LÊ TRUNG HIẾU	Nam	24/06/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	6.50				5.50	6.50	6.50	3.20	N1	Đậu
161	12A5	079201017005	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	20/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	5.25				4	6	7	3.40	N1	Đậu
162	12A5	074201000036	DƯƠNG GIA HUY	Nam	12/10/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	4.60	6.50				4	6.25	7	3	N1	Đậu
163	12A5	075201000264	ĐẶNG HOÀNG HUY	Nam	03/02/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	5.40	5.50				4.75	6.25	7	3.40	N1	Đậu
164	12A5	079201004667	ĐÀO DUY HÙNG	Nam	22/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	6				4.50	6.50	7	3.60	N1	Đậu
165	12A5	026033703	ĐOÀN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	10/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	4.50				5	7.75	7.25	3	N1	Đậu
166	12A5	079201006205	HUỖNH NHẬT TIẾN	Nam	30/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	6.25				5	6.75	7	4.20	N1	Đậu
167	12A5	079200007275	ẬU QUANG TRUNG	Nam	17/10/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	4				3.75	7	6.50	3.40	N1	Đậu
168	12A5	086201000150	BÙI ANH TUẤN	Nam	23/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	6				4.25	5.50	7.25	3.80	N1	Đậu
169	12A5	051200000014	LÊ QUANG TUYẾN	Nam	06/08/2000	QUẢNG NGÃI	Kinh	5.80	5.25				4.50	6	6.75	2.80	N1	Đậu
170	12A5	079301028603	LÊ PHAN THANH TUYẾN	Nữ	17/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	6.50				3.25	5.25	5	2.60	N1	Đậu
171	12A5	087301000172	NGUYỄN THỊ BÍCH TUYẾN	Nữ	19/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7	6				4	6.50	7.50	5.40	N1	Đậu

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi										Kết quả TN
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
172	12A5	079301002599	KIỀU THỊ TỎ UYÊN	Nữ	11/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7	5				4.75	5.75	7.75	3.80	N1	Đậu
173	12A5	084201000110	NGUYỄN THẠCH TRƯỜNG VŨ	Nam	24/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Khơ Me	6.80	7.25				5.25	8	6.25	4	N1	Đậu
174	12A5	079301003470	NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	19/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	5				3.25	5.75	6.50	3.60	N1	Đậu
175	12A5	046201000208	VĂN QUỐC KHÁNH	Nam	24/09/2001	HUẾ	Kinh	5.40	5.75				2	6	6	5	N1	Đậu
176	12A5	079300004344	LÊ THỊ TRÚC LINH	Nữ	21/11/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	6				5.75	6.75	5	2.80	N1	Đậu
177	12A5	079301009608	TRẦN THỊ HOÀNG MAI	Nữ	17/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	5.25				3.50	4.50	4.50	3.60	N1	Đậu
178	12A5	079301006931	HUỶNH THỊ TRẢ MY	Nữ	02/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	5				5.25	5.50	6.75	3.80	N1	Đậu
179	12A5	079200003227	LÊ VĂN NHẬT	Nam	25/05/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	6				4	6.50	7.50	3.60	N1	Đậu
180	12A5	079301028636	NGUYỄN TÙNG YẾN NHI	Nữ	03/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	6.25				5.50	6.50	7.25	5.20	N1	Đậu
181	12A5	026033506	NGUYỄN PHẠM KIỀU OANH	Nữ	17/09/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	6.25				5	7.25	7.25	4.80	N1	Đậu
182	12A5	026062029	LÂM LÊ TIỀN PHÁT	Nam	05/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5				2.50	5.75	5	4	N1	Đậu
183	12A5	079201008388	TRƯƠNG HOÀI DUY PHƯƠNG	Nam	06/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	6				4.50	6	6	4	N1	Đậu
184	12A5	187861247	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	Nam	14/03/2000	NGHỆ AN	Kinh	5.60	4.75				5	5.75	6	3.40	N1	Đậu
185	12A5	079201001931	DƯƠNG MINH SƠN	Nam	09/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	5.25				7.50	6.75	6.75	4.20	N1	Đậu
186	12A5	079301014488	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TÂM	Nữ	30/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	6				4.75	5.25	5.75	5	N1	Đậu
187	12A5	079301027502	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG THANH	Nữ	09/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	5.25				6	6	7.75	2.80	N1	Đậu
188	12A5	079301009477	TRẦN HƯƠNG THẢO	Nữ	12/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5.25				4.25	6	6	2.80	N1	Đậu
189	12A5	026063659	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	Nam	20/08/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.40	5				3.50	5.75	6	3.80	N1	Đậu
190	12A5	079201024153	NGUYỄN PHÚ THIỆN	Nam	29/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5.25				4.25	7.75	7.25	5	N1	Đậu
191	12A5	281261087	HỒ THỊ THU THÚY	Nữ	14/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	4.25				2.25	5.25	4.75	3.20	N1	Đậu
192	12A5	079301016198	ĐINH THỊ ANH THƯ	Nữ	05/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7	5.50				3.25	5.75	7.50	5.40	N1	Đậu
193	12A5	122310615	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	19/12/2001	BẮC GIANG	Kinh	5.80	5				5.25	7.50	8	3.20	N1	Đậu
194	12A6	079301015494	LÊ THỊ TUYẾT ANH	Nữ	27/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7	6				4.75	6	7.75	4	N1	Đậu
195	12A6	079301001377	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	29/09/2001	ĐÔNG NAI	Kinh	6	6.75				4.50	6.50	7.50	3.80	N1	Đậu
196	12A6	074201000149	NGUYỄN HOÀNG HAI ẬU	Nam	18/10/2001	BÌNH DƯƠNG	Kinh	5.80	6.25				3.75	4.75	6.50	3.40	N1	Đậu
197	12A6	079201025786	ẬU ĐỨC DUY	Nam	16/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	6				5	6	7	2.80	N1	Đậu
198	12A6	072201005470	NGUYỄN NGỌC DUY	Nam	20/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	4.75				7	6.25	8	3.60	N1	Đậu
199	12A6	049201000030	TRẦN NGỌC DUY	Nam	01/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	6.50				3.50	6	6.75	3.60	N1	Đậu
200	12A6	079201025546	LÊ THÀNH ĐẠT	Nam	15/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	5				5.75	8	7.75	4	N1	Đậu
201	12A6	079201031643	DƯƠNG NGỌC SƠN HẢI	Nam	26/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	6.50				3.25	7.25	7	4.60	N1	Đậu
202	12A6	038201005470	LÊ QUANG HÀO	Nam	23/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Mường	4.60	4.50				5	6	6.75	4.20	N1	Đậu
203	12A6	079201015573	VÕ HOÀNG HIỆP	Nam	24/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.20	4.25				3.50	6.50	7.25	4.40	N1	Đậu
204	12A6	026033582	LÂM KHÁI HIẾU	Nam	08/10/1999	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	5.50				5.50	5.25	7.75	3.80	N1	Đậu

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi										
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	Kết quả TN
205	12A6	364020059	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	18/10/1999	HẬU GIANG	Kinh	4.80	5.50				2.25	6.25	6	2	N1	Đậu
206	12A6	079200001994	NGUYỄN NHẬT HUY	Nam	27/12/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	6.25				4	4.75	6	3.60	N1	Đậu
207	12A6	079201025446	TRẦN TÙNG HUY	Nam	19/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	4.75				4.25	5.50	7.25	4	N1	Đậu
208	12A6	079301022899	LÊ THỊ KIM HUYỀN	Nữ	10/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5				4.25	7	6.25	3.80	N1	Đậu
209	12A6	074301000050	NGUYỄN THỊ CẨM THƯƠNG	Nữ	08/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.80	4.50				3.50	5.25	6.25	3.80	N1	Đậu
210	12A6	079201025448	TRẦN TÂN TIẾN	Nam	21/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	4.75				4	6	7.75	4	N1	Đậu
211	12A6	281268428	PHẠM THU TRANG	Nữ	21/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5				2.50	4.50	7	3.20	N1	Đậu
212	12A6	079301009147	NGUYỄN THỊ THANH TRÂM	Nữ	02/08/2001	ĐẮK NÔNG	Kinh	5.40	5.50				4	6.25	7	3	N1	Đậu
213	12A6	079301028202	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	06/11/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	6.40	6				5.75	6.50	5.50	2.80	N1	Đậu
214	12A6	079201001484	PHẠM PHƯƠNG TÚ	Nam	13/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	5.75				5	5.75	8	4.80	N1	Đậu
215	12A6	001201025557	BÙI ANH TUẤN	Nam	22/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5.50				4.75	5.75	7	3.60	N1	Đậu
216	12A6	312516153	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	20/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.20	6				4	6.75	6.25	3.80	N1	Đậu
217	12A6	079301017535	NGUYỄN THỊ BÍCH TUYẾN	Nữ	17/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	6				4.25	7.50	7.50	3.40	N1	Đậu
218	12A6	079201030749	LẠC BÌNH TỶ	Nam	09/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	5.25				4.75	5	6	3.20	N1	Đậu
219	12A6	079301026187	NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN	Nữ	14/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	6.25				4	5.75	5.50	3	N1	Đậu
220	12A6	352549844	NGUYỄN HÀ VI	Nữ	11/07/2001	AN GIANG	Kinh	4.60	5.75				2.25	5.50	7	2.60	N1	Đậu
221	12A6	079201023690	PHAN BẢO VINH	Nam	27/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	6.50				3.25	6.25	6.75	5	N1	Đậu
222	12A6	038301012437	LÊ THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	17/02/2001	THANH HÓA	Kinh	6.80	5.50				4.50	6.50	8	4	N1	Đậu
223	12A6	191921286	NGUYỄN DUNG HY	Nữ	26/04/2001	THỪA THIÊN-HUẾ	Kinh	6.20	5.25				4.75	5	6.50	5.40	N1	Đậu
224	12A6	079201015261	GIANG HOÀNG KHÁNH	Nam	10/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Hoa	5.40	5.50				5.50	6	8.50	7.20	N1	Đậu
225	12A6	079201014166	NGUYỄN HOÀNG ANH KHOA	Nam	11/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	5				4.25	7.25	8.50	3.80	N1	Đậu
226	12A6	079201025837	NGUYỄN ĐAN KHÔI	Nam	08/01/2001	BÌNH DƯƠNG	Kinh	6	4.75				3.75	5.75	6.75	4.40	N1	Đậu
227	12A6	201803409	CAO THỊ XUÂN KIỀU	Nữ	13/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	5.75				5.50	5.75	7.75	5	N1	Đậu
228	12A6	079301019033	NGUYỄN THỊ HOÀNG KIM	Nữ	24/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	6.25				3.75	5.75	6.50	5	N1	Đậu
229	12A6	079301028046	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	19/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5				3.75	6.50	7	4.60	N1	Đậu
230	12A6	079301028423	TRƯƠNG HỒNG LOAN	Nữ	21/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	5				3.25	5	7.25	4	N1	Đậu
231	12A6	040301000060	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	04/11/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	6.40	6.25				4.75	6.25	7.25	2.80	N1	Đậu
232	12A6	079301002178	LÂM THỊ MINH MẪN	Nữ	15/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	5.25				3	5	6.75	3.80	N1	Đậu
233	12A6	026063936	NGUYỄN THÀNH NGUYỄN	Nam	22/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	5				2.75	5.50	6.25	4.20	N1	Đậu
234	12A6	079301014404	CAO PHƯƠNG NHI	Nữ	24/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.60	5.50				3.75	5.50	6	1.80	N1	Đậu
235	12A6	331919154	LÊ THỊ KIỀU NHI	Nữ	12/03/2001	VĨNH LONG	Kinh	6.40	5.75				3.75	6.25	6.25	5.20	N1	Đậu
236	12A6	312440935	TRẦN THỊ HUỶNH NHƯ	Nữ	17/02/2001	TIỀN GIANG	Kinh	6.40	5				4.75	5.75	6.75	4.40	N1	Đậu
237	12A6	079201011851	NGUYỄN TÂN TÀI	Nam	17/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	5.50				4.50	5.50	5.50	3	N1	Đậu
238	12A6	079301021229	NGUYỄN NGỌC THI	Nữ	15/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.60	5.25				3.75	6.25	6.25	4	N1	Đậu
239	12A7	079301022015	HỒ THỊ KIM ANH	Nữ	12/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.60	6.50				4.75	5.25	6.25	3.80	N1	Đậu
240	12A7	092301006531	TRẦN MINH ANH	Nữ	12/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	6	7.25				5	7.25	7	4	N1	Đậu

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi										Kết quả TN
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
241	12A7	079200001512	TRẦN PHÁT DIỆM	Nam	01/06/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	5.50				3	5.75	5	3.40	N1	Đậu
242	12A7	342042431	ĐẶNG PHƯỚC DUY	Nam	08/12/2001	SỐC TRĂNG	Kinh	6.40	6				6	6.75	7.75	3.60	N1	Đậu
243	12A7	079201022833	PHẠM MINH ĐĂNG	Nam	03/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	7.25				6.25	8.75	8	7	N1	Đậu
244	12A7	281221885	TRINH XUÂN ĐỨC	Nam	29/02/2000	HÀ NAM	Kinh	4.80	3.50				2.75	6.50	7.50	3.40	N1	Đậu
245	12A7	079301016200	NGUYỄN HỒNG GIA HẪN	Nữ	30/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.60	4.25				3	6	5.50	2.60	N1	Đậu
246	12A7	079301013371	LÊ THỊ HẬU	Nữ	30/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	5				3.25	6	7.25	3.40	N1	Đậu
247	12A7	079201006208	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	02/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.80	6.75				6.50	6	7.25	3.60	N1	Đậu
248	12A7	079201016160	HỒ NGUYỄN GIA HUY	Nam	21/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.80	5.25				6.50	7	7.25	5	N1	Đậu
249	12A7	025973858	NGUYỄN ĐÌNH HUY	Nam	09/10/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	3.80	5.75				4	7	7.25	4.60	N1	Đậu
250	12A7	079201002554	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	06/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.20	6				4	6.75	7.25	5	N1	Đậu
251	12A7	079301014059	LÊ HOÀNG THÚY TIÊN	Nữ	12/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	7.50				5.75	7.25	7	5.40	N1	Đậu
252	12A7	079301022708	NGUYỄN THỊ CẨM TIÊN	Nữ	23/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	4.50				3.25	5	5	3.20	N1	Đậu
253	12A7	079201014440	NGUYỄN MINH TIÊN	Nam	03/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4	5.50				4.75	6	6.75	3.60	N1	Đậu
254	12A7	079301013223	DƯƠNG HOÀI MINH TRANG	Nữ	18/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	7.25				3.75	7.25	7.50	4.40	N1	Đậu
255	12A7	036301004110	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	20/11/2001	NAM ĐỊNH	Kinh	6	6				5.50	6	5.75	4	N1	Đậu
256	12A7	079301028899	TRẦN NGỌC HUYỀN TRẦN	Nữ	25/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	7				5	4.25	6.50	2.20	N1	Đậu
257	12A7	079201014083	NGUYỄN NGUYỄN HẢI TRIỀU	Nam	26/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.40	6				4.25	6.25	6	2	N1	Đậu
258	12A7	079301011345	LÊ THÚY THẢO VY	Nữ	13/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	5.25				3.50	5	6.25	3	N1	Đậu
259	12A7	341969887	LÊ NHƯ Ỡ	Nữ	24/10/2000	ĐỒNG THÁP	Kinh	4.80	5.50				2.25	4.75	6	2.40	N1	Đậu
260	12A7	079201030355	ĐỖ TRUNG KIẾN	Nam	12/12/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	4.60	6.25				4	6.75	6.50	4	N1	Đậu
261	12A7	079301020088	DƯƠNG NGUYỄN HOÀNG KIM	Nữ	01/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	5.50				5.50	7.50	7.50	4.40	N1	Đậu
262	12A7	079301023438	TRẦN THỊ THIÊN KIM	Nữ	06/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	5.25				2.75	5.50	6	4.20	N1	Đậu
263	12A7	079201017860	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nam	17/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	5.25				3	6.25	6	2.20	N1	Đậu
264	12A7	079201024474	TRẦN NGUYỄN HÙNG MẠNH	Nam	12/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	6.25				5.50	5.25	6.50	2.60	N1	Đậu
265	12A7	025917811	ĐỖ ANH MINH	Nam	23/07/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	4.50				4.75	5.75	6.25	4.80	N1	Đậu
266	12A7	079201010386	NGUYỄN ĐẠI NAM	Nam	07/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	5				4.50	7.50	6.75	2	N1	Đậu
267	12A7	079201013332	PHAN VÕ HOÀI NAM	Nam	19/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	6.25				4.50	6.25	7.25	4.40	N1	Đậu
268	12A7	082201000008	NGUYỄN TRỌNG NGUYỄN	Nam	13/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5.75				4.50	7.75	7.50	3	N1	Đậu
269	12A7	079201010580	PHẠM NGUYỄN THÀNH NHẬN	Nam	24/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.60	5.75				1.75	6	6	3.40	N1	Đậu
270	12A7	079301024812	HỒ YẾN NHI	Nữ	28/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	5				3.50	4.75	6.25	3.80	N1	Đậu
271	12A7	301803856	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	13/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.60	4				3.50	6.50	6.25	2.60	N1	Đậu
272	12A7	079201001881	NGUYỄN VĂN PHÚC	Nam	28/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	5				3.50	5.75	6.75	2	N1	Đậu
273	12A7	331908318	VƯƠNG HOÀNG PHÚC	Nam	13/03/2001	VĨNH LONG	Kinh	6	4.75				4.75	6	6.50	3	N1	Đậu
274	12A7	001301019061	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	01/08/2001	HÀ NỘI	Kinh	7.40	7				5.75	6.75	7.25	3.80	N1	Đậu

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi										Kết quả TN
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
275	12A7	079301009330	NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG	Nữ	02/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	6.50				5.75	7.25	8.25	6	N1	Đậu
276	12A7	079301015288	NGUYỄN THỊ THANH QUÍ	Nữ	28/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.40	6.75				3.25	5.75	6.25	3.20	N1	Đậu
277	12A7	079301013488	VŨ THỊ BÍCH TÂM	Nữ	23/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.80	6				4	4	3.25	3.20	N1	Đậu
278	12A7	079201025451	NGUYỄN THANH TẤN	Nam	11/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	6.75				6	7	7.50	3.40	N1	Đậu
279	12A7	212467305	PHẠM THỊ THANH THANH	Nữ	05/06/2001	QUẢNG NGÃI	Kinh	5	5				2.50	4.75	4.50	3.20	N1	Đậu
280	12A7	079301021112	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	3	2.75				4.25	4.75	6.75	2.80	N1	Hông
281	12A7	072200003171	LÊ QUỐC THẮNG	Nam	02/09/2000	TÂY NINH	Kinh	4.40	4.50				4.25	4.75	7.25	4	N1	Đậu
282	12A7	079200001989	NGUYỄN QUỐC THỊNH	Nam	11/08/2000	ĐỒNG NAI	Kinh	5	4				4.50	6	7	4	N1	Đậu
283	12A7	038201011968	PHẠM QUANG THỌ	Nam	27/04/2001	THANH HÓA	Kinh	5.20	5				4.25	7	7	3	N1	Đậu
284	12A8	352681355	NGUYỄN HỒNG AN	Nam	26/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5.75				7.75	8.25	8.75	7	N1	Đậu
285	12A8	079201028428	TRẦN VĂN QUỐC BẢO	Nam	26/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	5.25				5.50	4.50	8	5.20	N1	Đậu
286	12A8	281268284	NGÕ NGỌC CẨM	Nữ	02/12/2001	BÌNH DƯƠNG	Kinh	6	4.50				3.25	4.50	6.75	3	N1	Đậu
287	12A8	372002108	HUYNH NHỰT DUY	Nam	19/10/2001	KIÊN GIANG	Kinh	5.40	6.25				5.50	7	8.25	5.60	N1	Đậu
288	12A8	281354610	TRẦN ĐẶNG NAM HAI	Nam	07/12/2001	NAM ĐỊNH	Kinh	5.60	4.75				4.75	6	8.75	4.20	N1	Đậu
289	12A8	372014043	LÊ THỊ THÚY HẰNG	Nữ	04/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	6				4.50	6	9	5	N1	Đậu
290	12A8	079201006576	VŨ HỮU HIẾU	Nam	18/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	5				3.50	5.75	7.75	5	N1	Đậu
291	12A8	025973693	CAO THANH HOÀNG	Nam	30/05/2000	HÀ NAM	Kinh	5.80	5				5.25	7.75	8	4.80	N1	Đậu
292	12A8	079201017370	MAI QUỐC HUY	Nam	15/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5.50				6.75	6.75	8.25	3.80	N1	Đậu
293	12A8	079201002348	NGUYỄN TRUNG TÍN	Nam	05/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	3.50				4	3.75	4.50	4.40	N1	Đậu
294	12A8	215560302	LÊ QUỐC TOÀN	Nam	21/12/2001	BÌNH ĐỊNH	Kinh	5.60	4.75				4	5.50	7	5	N1	Đậu
295	12A8	079301019977	NGUYỄN BẢO TRÂM	Nữ	03/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.80	5.75				4.25	5	5.75	4.40	N1	Đậu
296	12A8	079201027191	NGUYỄN HỮU TRÍ	Nam	23/08/2001	HÀ TĨNH	Kinh	6.60	4.25				5	6.50	8.50	5.20	N1	Đậu
297	12A8	026033428	ĐỖ NGUYỄN THỦY TRÚC	Nữ	15/08/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	5.75				5.25	6.75	8.25	3.80	N1	Đậu
298	12A8	079201002130	LÊ NHỰT TRƯỜNG	Nam	16/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.40	5.50				4.50	7.25	8.50	3.40	N1	Đậu
299	12A8	079301025352	PHẠM THỊ THANH TUYỀN	Nữ	30/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	5.75				4.25	6.25	8.25	5	N1	Đậu
300	12A8	079201007242	TRẦN THẾ VINH	Nam	09/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	4.50				4.50	6	8	4.40	N1	Đậu
301	12A8	079301022760	NGUYỄN HOÀNG THẢO VY	Nữ	23/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.40	5.50				3	6.25	7.25	4.20	N1	Đậu
302	12A8	079301002924	HOÀNG THỊ KIM HƯƠNG	Nữ	29/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	6.25				5.25	5.75	8.50	3.80	N1	Đậu
303	12A8	342020207	LÝ HUỖNH HƯƠNG	Nữ	24/03/2001	ĐỒNG THÁP	Kho Me	6.40	5.25				8.25	7.25	9.25	5.80	N1	Đậu
304	12A8	079201025966	HỒ QUỐC KHANG	Nam	06/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	5				4.50	6.50	8	4.40	N1	Đậu
305	12A8	079301015978	NGUYỄN NGỌC MINH KHÁNH	Nữ	07/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	8				4.25	5	8.25	4.40	N1	Đậu
306	12A8	079201025898	NGUYỄN THÁI NGUYỄN KHÔI	Nam	08/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	4				3.75	6	8.25	5	N1	Đậu
307	12A8	079201025581	TRẦN HOÀNG KHÔI	Nam	19/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7.20	5				7	6.50	8.25	4.60	N1	Đậu
308	12A8	026062507	PHẠM THỊ NGỌC LIÊN	Nữ	30/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7	6				4.50	6.50	8.75	5.40	N1	Đậu
309	12A8	025924730	HOÀNG CÔNG MINH	Nam	26/03/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	5				4.50	6.75	7.75	3.40	N1	Đậu

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi										
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	Kết quả TN
310	12A8	026033581	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	Nữ	15/02/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.20	5.50				6.50	5.50	8.25	4.20	N1	Đậu
311	12A8	079301023835	TRƯƠNG KIM NGÂN	Nữ	16/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	3.60	6				5.25	7.25	8.75	2.80	N1	Đậu
312	12A8	079301029175	DƯƠNG THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	22/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	5.50				4.50	4.50	7	3.80	N1	Đậu
313	12A8	281295362	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	Nam	07/05/2001	BÌNH DƯƠNG	Kinh	6.40	5.25				6	6	8.50	5.60	N1	Đậu
314	12A8	060201000134	NGUYỄN A NGUYỄN	Nam	30/09/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	3.80	4.25				6	7.25	7.50	2.20	N1	Đậu
315	12A8	026062577	NGUYỄN TRẦN YẾN NHI	Nữ	17/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	5.50				3.75	5.50	7.25	3.20	N1	Đậu
316	12A8	079300001665	TRẦN THỊ THANH NHỊ	Nữ	29/05/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	5.50				4.50	6	7.25	4	N1	Đậu
317	12A8	075301000027	TIÊU HOÀNG OANH	Nữ	02/01/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	7.40	5				3.75	4.75	7.75	4.20	N1	Đậu
318	12A8	079201010704	LÂM QUÍ PHI	Nam	28/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.40	5.25				7	6.25	8	4	N1	Đậu
319	12A8	066200000130	HUỖNH TRỌNG PHÚC	Nam	24/04/2000	ĐẮK LẮK	Kinh	6.40	5.25				4.75	5.75	7.75	3.20	N1	Đậu
320	12A8	034201010981	NGUYỄN VĂN HOÀNG PHÚC	Nam	17/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.60	6.25				4.25	6.75	8.75	6.20	N1	Đậu
321	12A8	382002071	LÂM KIỀU PHƯƠNG	Nữ	19/07/2000	CÀ MAU	Kinh	5.20	5				4.75	7	8	3.20	N1	Đậu
322	12A8	352566938	NGUYỄN THANH SƠN	Nam	29/10/2000	AN GIANG	Kinh	6.20	4.75				3.75	5.75	9	3.20	N1	Đậu
323	12A8	075201000235	NGUYỄN PHƯỚC TẤN	Nam	23/12/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	5.20	5.50				4.25	6	7.50	3.20	N1	Đậu
324	12A8	079201012630	NGUYỄN QUỐC THÁI	Nam	16/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.60	5.50				3.50	5.50	6.50	3	N1	Đậu
325	12A8	082301000029	NGUYỄN CAO THIÊN THANH	Nữ	14/04/2001	TIỀN GIANG	Kinh	4.60	5				4.25	6.50	8.25	6	N1	Đậu
326	12A8	079301009214	MAI NHẢ THI	Nữ	28/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	4.25				3.50	6.50	8.25	5.80	N1	Đậu
327	12A8	079301027543	BÙI THỊ THANH THÚY	Nữ	30/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	5.25				4.25	4	7.50	4.20	N1	Đậu
328	12A9	026033134	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	29/09/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.20	6				4	5.50	4.75	3	N1	Đậu
329	12A9	074201000089	PHẠM TUẤN ANH	Nam	01/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5				6	7	9.50	7.40	N1	Đậu
330	12A9	079201004553	TRẦN QUỐC ANH	Nam	15/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	7	6.50				4.25	7	7.25	4.60	N1	Đậu
331	12A9	079201016411	TRỊNH ĐỨC ANH	Nam	28/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5.75				6.75	7.25	8.75	5.80	N1	Đậu
332	12A9	079201011879	LÊ ĐỨC DŨNG	Nam	17/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	6.50				5.25	6.50	9	5.40	N1	Đậu
333	12A9	079201014059	LÊ THANH DUY	Nam	01/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.20	6				3.50	3.75	6.75	3.80	N1	Đậu
334	12A9	079301002930	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	Nữ	21/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	5				4	5	9.25	4.40	N1	Đậu
335	12A9	026063913	TRỊNH LÊ HOÀNG ĐỨC	Nam	03/10/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5.50				3.25	6.25	6.75	3.80	N1	Đậu
336	12A9	264548581	NGUYỄN HỒ NGỌC HÂN	Nam	26/10/2001	NINH THUẬN	Kinh	5	6.75				4	6	5.75	4	N1	Đậu
337	12A9	079301016204	ĐINH THỊ TUYẾT HOA	Nữ	29/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	4.75				4.50	6.50	8.25	3.80	N1	Đậu
338	12A9	079201016144	PHÙNG NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	28/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5				4.25	6.75	9	6.60	N1	Đậu
339	12A9	079201030790	CHU GIA HUY	Nam	26/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.60	5.25				4.25	6.25	7	6	N1	Đậu
340	12A9	079201004564	TRẦN QUỐC HÙNG	Nam	05/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5.75				3	4.75	7.25	2.80	N1	Đậu
341	12A9	079201009411	VÕ MINH TIẾN	Nam	01/07/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	3.50				2.75	6.75	8.75	5	N1	Đậu
342	12A9	026033702	CÁI THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	17/12/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	6.50				4.25	7.50	9.50	4	N1	Đậu
343	12A9	250696969	ĐỖ THANH TRỌNG	Nam	08/06/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5.50				5.25	7.50	9.25	5.40	N1	Đậu
344	12A9	075201000553	NGŨ THANH TRỌNG	Nam	06/12/2001	SỐC TRĂNG	Kinh	4	3.25				3	5	8.25	4	N1	Đậu
345	12A9	385840572	TRẦN MỘC TỬ	Nữ	30/11/2001	BẠC LIÊU	Kinh	7	5.50				5.25	8.25	9	6.40	N1	Đậu

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm số các bài thi										
								Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	Kết quả TN
346	12A9	074201000188	HỒ HOÀNG TUẤN	Nam	07/05/2001	BÌNH DƯƠNG	Kinh	4.40	5				5.50	6.50	9	4	N1	Đậu
347	12A9	079201019416	TRẦN HÀ TUẤN VŨ	Nam	29/12/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5	6.50				6	5.75	7.75	4.80	N1	Đậu
348	12A9	079201020022	ĐỖ HOÀNG TRUNG KIÊN	Nam	19/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	5.50				3.75	6.50	7.50	4.40	N1	Đậu
349	12A9	079201025871	ĐÀO TUẤN KIẾT	Nam	15/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	5				6	6.75	7.75	5.40	N1	Đậu
350	12A9	079301023228	TRƯƠNG THỊ THÙY LINH	Nữ	21/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	5.75				3	5.25	7	5.40	N1	Đậu
351	12A9	079301011901	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	Nữ	01/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.40	6.25				3.75	5	7.75	4.80	N1	Đậu
352	12A9	079301011119	PHẠM THỊ LỰU	Nữ	09/11/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5.25				4	6.75	7	3.80	N1	Đậu
353	12A9	191970579	HỒ THỊ TỎ NGA	Nữ	16/11/2001	THỪA THIÊN HUẾ	Kinh	6.80	5.50				3	6	7.50	4	N1	Đậu
354	12A9	079301000321	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	08/05/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.80	4.50				3.75	5.50	5.25	2.80	N1	Đậu
355	12A9	079301027903	NGUYỄN THỊ TỎ NGUYỄN	Nữ	05/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	5.25				4.50	6.75	8.75	5.20	N1	Đậu
356	12A9	079301012080	NGUYỄN LÊ ANH NHI	Nữ	19/06/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	6				4.75	5.25	7	3.40	N1	Đậu
357	12A9	079301012565	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	27/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.20	5				3.50	4.50	6.25	3.20	N1	Đậu
358	12A9	264526587	TRƯƠNG PHÙNG LAN NHI	Nữ	27/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5				3.25	5.75	6.50	4.40	N1	Đậu
359	12A9	036300006725	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	10/12/2000	NAM ĐỊNH	Kinh	5	5.75				3.75	5.75	8.25	6.80	N1	Đậu
360	12A9	079301006257	HỒ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	04/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6	4.50				3.75	5.75	8.25	3.60	N1	Đậu
361	12A9	026062119	LÊ TẤN PHÁT	Nam	13/09/2000	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	5				4.75	5	7.25	3.80	N1	Đậu
362	12A9	079201009218	ĐẶNG THANH PHONG	Nam	06/02/2001	TIỀN GIANG	Kinh	5.60	6.25				4.25	5.25	8	3.40	N1	Đậu
363	12A9	079301023437	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	27/04/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	4.20	6				2.25	5.75	7.50	4.20	N1	Đậu
364	12A9	079301024780	NGUYỄN THUY UYÊN PHƯƠNG	Nữ	30/08/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	6.80	7.25				4.25	5.25	8.25	5.20	N1	Đậu
365	12A9	197406905	MÃ VÕ TRIỆU TÀI	Nữ	07/09/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	6.25				3	5.75	6.75	3.60	N1	Đậu
366	12A9	074201000020	NGUYỄN HỮU TÀI	Nam	23/10/2001	ĐỒNG NAI	Kinh	5.80	5				5.75	6	9	5.60	N1	Đậu
367	12A9	331881643	NGUYỄN PHẠM MINH TÀI	Nam	05/05/2001	CẦN THƠ	Kinh	5.20	5.50				5.50	7.25	8.50	4.20	N1	Đậu
368	12A9	026032805	NGUYỄN NGỌC TÂM	Nữ	17/01/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.20	6.75				3.75	5.50	8.25	5.40	N1	Đậu
369	12A9	079201023307	PHAN MINH TÂM	Nam	23/03/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	5.80	5.25				3	5.75	7.75	4.80	N1	Đậu
370	12A9	341935791	DIỆP THÀNH TẤN	Nam	16/08/2000	ĐỒNG THÁP	Kinh	4.60	4.50				3.50	6	7.25	4.20	N1	Đậu
371	12A9	079301028914	HOA NGỌC GIANG THANH	Nữ	10/02/2001	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Hoa	4.60	6.50				4.75	4.50	7.25	3	N1	Đậu
372	12A9	093201000146	TRƯƠNG NHẬT THANH	Nam	26/07/2001	CẦN THƠ	Kinh	5	5.75				3.50	5.25	7.50	3.40	N1	Đậu

NGƯỜI GHEP ĐIỂM

(Họ tên và chữ ký)

NGƯỜI ĐỌC VÀ SOÁT BẢN IN

(Họ tên và chữ ký)

Ngày tháng năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Ký tên và đóng dấu)